HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /2022/NQ-HĐND	*Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 6 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ KHOÁ VII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 3289/TTr-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

1. Đối tượng nộp, miễn nộp phí

a) Đối tượng nộp phí

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Các tổ chức đăng ký cấp quyền sử dụng đất; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Đối tượng miễn nộp phí

- Hộ nghèo, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu.

- Trường hợp bồi thường về đất, được giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu.

- Trường hợp người sử dụng đất hiến đất để làm đường giao thông hoặc đầu tư công trình công cộng khác theo chủ trương của Nhà nước.

- Chỉnh lý sai sót thông tin trên hồ sơ, Giấy chứng nhận do lỗi của cơ quan Nhà nước; chỉnh lý thông tin trên Giấy chứng nhận khi thay đổi thông tin đơn vị hành chính, chia tách hoặc sáp nhập địa giới hành chính.

2. Mức thu phí

a) Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu riêng lẻ

STT	Nội dung	Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức
I	**Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại địa bàn xã, phường, thị trấn; tổ chức nộp hồ sơ tại cấp tỉnh**		
	Đất	680.000	850.000
	Tài sản	690.000	910.000
	Đất + tài sản	910.000	1.230.000
II	**Nộp hồ sơ tại địa bàn cấp huyện**		
	Đất	660.000	
	Tài sản	680.000	
	Đất + tài sản	870.000	

b) Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất riêng lẻ

STT	Nội dung	Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức
	Đất	290.000	410.000
	Tài sản	270.000	390.000
	Đất + tài sản	370.000	530.000

c) Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất

STT	Nội dung	Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức
I	**Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại địa bàn xã, phường, thị trấn; tổ chức nộp hồ sơ tại cấp tỉnh**		
1	Trường hợp đăng ký biến động thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận		
	Đất	420.000	750.000
	Tài sản	490.000	730.000
	Đất + tài sản	620.000	960.000
2	Trường hợp đăng ký biến động không thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận		
a)	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai, theo quyết định giải quyết khiếu nại tố cáo về đất đai, theo bản án quyết định của tòa án quyết định của cơ quan thi hành án		
	Đất	290.000	640.000
	Tài sản	350.000	640.000
	Đất + tài sản	430.000	820.000
b)	Thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	Đất	290.000	

	Tài sản	350.000	
	Đất + tài sản	430.000	
c)	Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận xử lý nợ thế chấp		
	Đất	290.000	640.000
	Tài sản	350.000	640.000
	Đất + tài sản	430.000	820.000
d)	Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, nhân thân hoặc địa chỉ		
	Đất	260.000	620.000
	Tài sản	320.000	610.000
	Đất + tài sản	390.000	790.000
đ)	Chuyển mục đích sử dụng toàn bộ thửa đất hoặc một phần thửa đất		
	Đất	290.000	640.000
e)	Thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận hoặc đã thể hiện trong cơ sở dữ liệu		
	Tài sản	360.000	640.000
g)	Chỉnh lý sai sót, nhầm lẫn về nội dung thông tin trong hồ sơ địa chính và trên giấy chứng nhận do lỗi của người sử dụng đất		
	Đất	260.000	620.000
	Tài sản	320.000	610.000
	Đất + tài sản	390.000	790.000
h)	Trường hợp chuyển đổi công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp		
	Đất		640.000
	Tài sản		640.000
	Đất + tài sản		820.000
i)	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		
	Đất		640.000
	Tài sản		640.000
	Đất + tài sản		820.000
k)	Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		
	Đất		420.000
	Tài sản		420.000
	Đất + tài sản		540.000
II	**Nộp hồ sơ tại địa bàn cấp huyện**		
1	Trường hợp đăng ký biến động thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận		
	Đất	410.000	
	Tài sản	470.000	
	Đất + tài sản	610.000	
2	Trường hợp đăng ký biến động không thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận		
a)	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai, theo quyết định giải quyết khiếu nại tố cáo về đất đai,		

	theo bản án quyết định của tòa án quyết định của cơ quan thi hành án		
	Đất	280.000	
	Tài sản	340.000	
	Đất + tài sản	420.000	
b)	Thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	Đất	280.000	
	Tài sản	340.000	
	Đất + tài sản	420.000	
c)	Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận xử lý nợ thế chấp		
	Đất	280.000	
	Tài sản	340.000	
	Đất + tài sản	430.000	
d)	Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, nhân thân hoặc địa chỉ		
	Đất	250.000	
	Tài sản	310.000	
	Đất + tài sản	380.000	
đ)	Chuyển mục đích sử dụng toàn bộ thửa đất hoặc một phần thửa đất		
	Đất	280.000	
e)	Thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận hoặc đã thể hiện trong cơ sở dữ liệu		
	Tài sản	350.000	
g)	Đính chính sai sót, nhầm lẫn về nội dung thông tin trong hồ sơ địa chính và trên Giấy chứng nhận		
	Đất	250.000	
	Tài sản	310.000	
	Đất + tài sản	380.000	

d) Phí thẩm định đăng ký cấp quyền sử dụng đất đối với tổ chức được giao đất, cho thuê đất

- Đất sản xuất kinh doanh: 1.600.000 đồng

- Đất sử dụng vào mục đích khác: 1.200.000 đồng.

3. Cơ quan thu phí

a) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

b) Chi cục Quản lý Đất đai thu phí thẩm định đăng ký cấp quyền sử dụng đất đối với tổ chức được giao đất, cho thuê đất.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Việc kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy

định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Cơ quan thu phí được để lại 90% để chi trả cho các hoạt động thu phí, 10% nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND, ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND, ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ một số điều tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 5 thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 6 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, Tp.Huế;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, LT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Lê Trường Lưu